bá diào

拔掉

verb · pull out, remove

Example Sentences

Qǐng bá diào diàn yuán chā tóu zài xiū lǐ
请 拔 掉 电 源 插 头 再 修 理。

Please pull out the power plug before repairing.

Yī shēng bāng wǒ bá diào le yī kē huài yá
医 生 帮 我 拔 掉 了 一 颗 坏 牙。

The doctor helped me pull out a bad tooth.

Trace each character, then write the word on your own.

拔 拔 拔 拔 拔 拔 拔 拔 拔 拔 拔

掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉 掉

掉 掉 掉